

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/DS-ST

Ngày: 25-02-2025

“V/v tranh chấp hợp dân sự về
góp hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hoàng Mon;

Bà Sử Thị Huyền Trang;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án.

- **Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận:** Không

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng L, sinh năm 1981; (*có mặt*)

Bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1984; (*có mặt*)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1970; Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; (*có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2024 các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Lê Thị Hồng L và bà Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:

Bà Nguyễn Thị E là chủ hui, bà L là hui viên. Ngày 4/2/2022 bà E có áp dây hui, loại hui 1.000.000đ/tháng, hui gồm có 26 chân, mẫn hui vào ngày 4/4/2024, bà L có tham gia 4 chân (trong đó bà L tham gia 2 chân, tham gia dùm

cho bà N 2 chân (nhưng trong giấy hội chỉ ghi tên bà L). Trong quá trình tham gia hội thì bà E bề hội, khi bề hội thì bà L và bà E có tính toán để kết sổ thì bà E còn thiếu tổng số là 52.900.000đ (trong đó hội của bà N là 34.800.000 đồng, thiếu bà L là 18.100.000 đồng), bà E có viết giấy nhận nợ cho bà L. Bà E có hứa hẹn trả dần nhưng đến nay không trả.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị E trả cho Lê Thị Hồng L 18.100.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Buộc bà Nguyễn Thị E trả cho Nguyễn Thị Ngọc N 34.800.000 đồng, Không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai bị đơn bà Nguyễn Thị E trình bày: Bà E thừa nhận có nợ bà L số tiền hội là 18.100.000 đồng và nợ bà N số tiền hội là 34.800.000 đồng. Bà E do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả tiền từ từ cho bà L và bà N, trả dần cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng L và bà Nguyễn Thị Ngọc N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị E trả số tiền hội còn nợ. Do đó quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hội*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung tranh chấp:* Bà Lê Thị Hồng L và bà Nguyễn Thị Ngọc N có tham gia hội do bà E làm chủ. Tính đến nay, bà E còn nợ số tiền hội bà L là 18.100.000 đồng và nợ bà N số tiền hội là 34.800.000 đồng. Bà Lê Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị E trả số tiền hội còn nợ là 18.100.000 đồng, và bà Nguyễn Thị Ngọc N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị E trả số tiền hội còn nợ là 34.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà Nguyễn Thị E thừa nhận còn nợ bà Lê Thị Hồng L và bà Nguyễn Thị Ngọc N số tiền trên. Căn cứ Điều 92 (*quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh*) của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án công nhận đó là sự thật.

Xét về quyền và nghĩa vụ của các bên thấy rằng do bà E vi phạm nghĩa vụ của chủ hội theo quy định tại Điều 18 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường nên bà L và bà N yêu cầu trả số tiền hội là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của bà E do hoàn cảnh khó khăn, bà E xin trả dần cho đến khi dứt nợ, phía bà L và bà N không đồng ý và không phù hợp với quy định của

pháp luật nên buộc bà E có nghĩa vụ trả một lần cho toàn bộ số tiền hui còn nợ bà L là 18.100.000 đồng và buộc bà E có nghĩa vụ trả một lần cho toàn bộ số tiền hui còn nợ bà N là 34.800.000 đồng.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn bà E phải chịu án phí đối với nghĩa vụ buộc phải thi hành số tiền 52.900.000 đồng tiền án phí là $52.900.000 \times 5\% = 2.645.000$ đồng.

Hoàn trả cho Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 452.500 đồng theo biên lai thu số 0002318 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Hoàn trả cho Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 870.000 đồng theo biên lai thu số 0002319 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 18 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng L và bà Nguyễn Thị Ngọc N đối với bà Nguyễn Thị E. Buộc bà Nguyễn Thị E trả cho bà Lê Thị Hồng L số tiền hui là 18.100.000 đồng và trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc N số tiền hui là 34.800.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị E phải chịu là 2.645.000 đồng.

Hoàn trả cho Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 452.500 đồng theo biên lai thu số 0002318 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Hoàn trả cho Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 870.000 đồng theo biên lai thu số 0002319 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Bình Nam;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Thị Kiều Diễm